

E12- UNIT 5- VOCAB 02

	IN VIETNAMESE	IN ENGLISH
1.	thư chấp nhận	
2.	tốc độ	
3.	thẻ căn cước	
4.	thủ tục nhập học	
5.	phần, tỷ lệ	
6.	nước ngoài	
7.	đợt nhập	
8.	sự thành thạo	
9.	hòa hợp với ai	
10.	kì thi tuyển sinh	
11.	giấy khai sinh	
12.	dựa vào	
13.	chuông báo động, đồng hồ báo thức	
14.	tiến lên	
15.	thư giới thiệu	
16.	bộ hồ sơ nhập học vào ĐH	
17.	hồ sơ	
18.	Bộ, ngành, khoa	
19.	xoay sở	
20.	sử dụng triệt để	
21.	phòng ở	